

Cao Bằng, ngày 05 tháng 01 năm 2023

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)

Phần D.II - Kỹ năng lãnh đạo, quản lý

Ngày thi: 08/12/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Đoàn Thị Vân Anh	7,50	Bảy phẩy năm	41	Nông Thị Huyền My	8,25	Tám phẩy hai năm
2	Hoàng Thị Chao	7,50	Bảy phẩy năm	42	Nguyễn Thị Huyền My	8,00	Tám
3	Lôi Thị Chao	8,00	Tám	43	Lý Thị Mùi	7,50	Bảy phẩy năm
4	Trần Huệ Chi	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Lục Thị Bích Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
5	Đàm Quang Chiến	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Nông Thị Ngâm	7,00	Bảy
6	Hoàng Ngọc Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	46	Dương Thị Nghiệp	7,00	Bảy
7	Đàm Đức Dũng		Thôi học	47	Nguyễn Thị Nhã	6,75	Sáu phẩy bảy năm
8	Phạm Ngọc Diệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	48	Nguyễn Tuyết Nhung	8,00	Tám
9	Nguyễn Minh Đoàn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	49	Ma Thị Oanh	8,25	Tám phẩy hai năm
10	Lã Thị Giang	8,00	Tám	50	Lý Thị Phúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Đình Văn Giáp	7,50	Bảy phẩy năm	51	Ngô Thị Phượng	8,00	Tám
12	Nông Thị Ngân Hà	7,25	Bảy phẩy hai năm	52	Hoàng Hải Quý	7,50	Bảy phẩy năm
13	Hoàng Thị Thanh Hà	7,50	Bảy phẩy năm	53	Phùng Thị Quỳnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
14	Nông Thị Thúy Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	54	Nông Công Sỹ	7,00	Bảy
15	Nông Thị Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Phạm Thị Tài	7,00	Bảy
16	Vũ Thị Hằng	8,00	Tám	56	Chu Văn Tình	7,00	Bảy
17	Đỗ Thị Hằng	8,00	Tám	57	Lục Toàn Thắng	7,00	Bảy
18	Lâm Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	58	Nông Quốc Thắng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
19	Hoàng Thị Thu Hiền	8,00	Tám	59	Nguyễn Thị Thuận	7,50	Bảy phẩy năm
20	Lục Minh Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Lục Xuân Trường	7,50	Bảy phẩy năm
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	8,00	Tám	61	Phạm Thị Minh Thoa	7,00	Bảy
22	Hoàng Thị Hoan	8,00	Tám	62	Mã Thị Thu	7,00	Bảy
23	Nông Thị Hồng	7,00	Bảy	63	La Thị Minh Thứ	7,25	Bảy phẩy hai năm
24	Vũ Thị Hồng	7,00	Bảy	64	Lại Thị Minh Thúy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Đổng Thanh Huệ	8,00	Tám	65	Nông Bích Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
26	Ngân Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	66	Bé Thị Thanh Thủy	7,50	Bảy phẩy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
27	Vũ Thị Lan Hương	8,00	Tám	67	Lăng Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
28	Phạm Thị Lan Hương	7,50	Bảy phẩy năm	68	Nguyễn Thị Thu Trang	7,50	Bảy phẩy năm
29	Nông Thu Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	69	Phan Thị Thu Trang	8,00	Tám
30	Lý Ánh Hường	7,50	Bảy phẩy năm	70	Lương Quang Tuấn	8,00	Tám
31	Lục Đức Khánh		Thôi học	71	Nguyễn Thị Tuyền	7,50	Bảy phẩy năm
32	Lục Thị Kiều	7,50	Bảy phẩy năm	72	Nông Thị Tuyết	7,75	Bảy phẩy bảy năm
33	Lục Thị Phương Lan	7,00	Bảy	73	Bế Xuân Vinh	7,50	Bảy phẩy năm
34	Nông Thị Diệu Linh	8,25	Tám phẩy hai năm	74	Hoàng Trường Vương	8,00	Tám
35	Phan Khánh Linh	8,00	Tám	75	Hoàng Thị Kiều Xuân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
36	Phan Thị Liên	8,00	Tám	76	Nguyễn Hải Yến	7,75	Bảy phẩy bảy năm
37	Hoàng Thị Liên	7,50	Bảy phẩy năm	77	Đàm Thị Yến	7,00	Bảy
38	Nông Thị Thúy Lưu	7,50	Bảy phẩy năm	78	Trần Thị Bạch Yến	8,00	Tám
39	Đinh Thị Lựa	7,50	Bảy phẩy năm	79	Lương Thị Hải Yến	7,00	Bảy
40	Hà Vũ Mạnh	7,50	Bảy phẩy năm	80	Triệu Kim Ngân (K03)	6,75	Sáu phẩy bảy năm

Điểm 6,75: 02 điểm; Điểm 7,00: 13 điểm; Điểm 7,25: 04 điểm; Điểm 7,50: 24 điểm; Điểm 7,75: 14 điểm; Điểm 8,00: 18 điểm; Điểm 8,25: 03 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG





Triệu Văn Lượng

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa